

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn Rất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 808/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 08/12/1986; CCCD số 038186032175, do Cục Cảnh sát cấp ngày 24/11/2022; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: **Tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (nay là Tổ dân phố Đ, phường H, tỉnh Thanh Hóa);** Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: **Số C, đường D, ấp A, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh** (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Minh T**, sinh ngày 10/02/1986; CCCD số 086086001465, do Cục Cảnh sát cấp ngày 27/4/2021; Địa chỉ: **khu phố P, phường G, tỉnh Tây Ninh** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **T** là vợ chồng, tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Vĩnh Long** (nay là Ủy ban nhân dân xã **T**, tỉnh **Vĩnh Long**) vào ngày 28/9/2005. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại số **C**, đường **D**, ấp **A**, xã **C**, Thành phố **Hồ Chí Minh**. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh **T** ham chơi, không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu và nhiều lần chửi mắng chị. Từ đó, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh **T** về sinh sống tại khu phố **P**, phường **G**, tỉnh **Tây Ninh** sinh sống và anh chị sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **T**.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị **H** khai nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không ai khác nợ lại anh chị.

- Bị đơn anh **T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Việc vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến, xem như anh **T** từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: (i) Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ đúng theo quy định; Việc cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát được thực hiện đúng thời hạn và quy định; (ii) Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; (iii) Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh **T** dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không chấp hành, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H** đối với anh **T**.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Án phí được tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh **T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, bị đơn anh **T** phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, nguyên đơn chị **H** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị **H** và anh **T** là đúng theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** và anh **T** tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã **T**, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 28/9/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị **H**, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh **T** ham chơi, không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu và nhiều lần chửi mắng chị. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi, không thể hiện thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị **H** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị **H** khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** khai nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và xác định không ai khác nợ lại anh chị, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Các Điều 207, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** đối với bị đơn anh **Trần Minh T**. Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn với anh **Trần Minh T**.

2. Về con chung: Không có. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **Nguyễn Thị H** đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0015435 ngày 15/12/2025 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12 – Tây Ninh, ghi nhận chị **Nguyễn Thị H** đã nộp xong tiền án phí.

Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Trần Minh T** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích V